

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 324/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:- Anh NST, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: số 12, hẻm 73/26B/3 đường NT, KT, TX, Hà Nội.

- Chị NTH, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: số 12, hẻm 73/26B/3 đường NT, KT, TX, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NST và chị NTH lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2004 tại UBND phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội (nay là phường KĐ, TP Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Đến nay anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh NST và chị NTH có 02 con chung là cháu NSTN, sinh ngày 14/4/2004 và cháu NHV, sinh ngày 28/10/2011. Sau ly hôn chúng tôi thống nhất giao cháu NHV cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; cháu NSTN đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh T, chị H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị H xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh NST tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh T là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NST và chị NTH cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh NST và chị NTH có 02 con chung là cháu NSTN, sinh ngày 14/4/2004 và cháu NHV, sinh ngày 28/10/2011. Ly hôn, anh T chị H thống nhất giao cháu NHV cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; cháu NSTN đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Anh T, chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh T, chị H xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0037431 ngày 25/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2- Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2- Hà Nội ;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2- Hà Nội).
- UBND phường KĐ, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hiền

